

Bản án số: 115/2022/HS-PT

Ngày: 13-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Ông Phan Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 60/2022/HSPT ngày 07 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Trang Thị Xuân M và Phan Thị Kiều O, do có kháng cáo của 02 bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2022/HSST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây N, tỉnh Tây N.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trang Thị Xuân M**, sinh ngày 06-6-1968 tại tỉnh Tây N. Nơi cư trú: Số 12 đường Trần Văn T, hẻm 21, ấp Kinh T, xã Bình M, thành phố Tây N, tỉnh Tây N; nghề ngH: Giáo viên – Nguyên Hiệu trưởng trường tiểu học Lê Anh Xuân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trang Văn T, sinh năm 1949 (đã chết năm 2020) và bà Nguyễn Thị Ngọc A1 (đã chết); có chồng: Trần Văn Rõ, sinh năm 1966 và có 01 người con sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trang Thị Xuân M:* Ông Nguyễn Duy Hoàng – là Luật sư - Văn phòng Luật sư Nguyễn Duy Hoàng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây N. (có mặt)

2. Phan Thị Kiều O, sinh ngày 20-8-1986 tại tỉnh Tây N. Nơi cư trú: Số 49/21, đường Điện Biên Phủ, khu phố N Thọ, phường N S, thành phố Tây N, tỉnh Tây N; nghề ngH: Nguyên Kế toán trưởng tiểu học Lê Anh Xuân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H, sinh năm 1967 và bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1965; có chồng: Nguyễn Chí Công (đã ly hôn năm 2017); có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh ngày 2018; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Kiều O:* Ông Trương Quốc Phòng – là Luật sư - Văn phòng Luật sư Nam Quốc thuộc Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí M. (có mặt)

Trong vụ án còn những người tham gia tố tụng khác, không có kháng cáo, kháng nghị. Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Tiểu học Lê Anh Xuân (nay được đổi tên thành trường Tiểu học Nguyễn Khuyến), có trụ sở tại ấp Tân Hòa, xã Tân Bình, thành phố Tây N, tỉnh Tây N, là đơn vị sự ngH, cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu riêng; thực hiện nhiệm vụ quản lý giáo dục, giảng dạy học sinh và chịu sự quản lý, lãnh đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Tây N, tỉnh Tây N.

Từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 09 năm 2017, bị cáo Trang Thị Xuân M là hiệu trưởng trường tiểu học Lê Anh Xuân đã chỉ đạo bị cáo Phan Thị Kiều O là kế

toán thực hiện các hành vi mua hàng hoá ít nhưng xuất hoá đơn nhiều; mua hoá đơn không để lập hồ sơ chứng từ quyết toán từ nguồn ngân sách Nhà nước lấy tiền với mục đích là chi vào các khoản chi thực T mà không quyết toán được. Hai bị cáo thống nhất quyết toán không chủ yếu là chứng từ trong lĩnh vực văn phòng phẩm, vật tư văn phòng phẩm, chậu cây kiểng, đồ điện, sửa chữa điện nước... đây là các mặt hàng không phải kê khai và báo cáo cấp trên, khi sử dụng hết thì khó kiểm tra phát hiện sai phạm và là chứng từ quyết toán thuộc danh mục chi T xuyên dưới 20.000.000 đồng, nên trA1 sự kiểm tra của kho bạc Nhà nước về hóa đơn, chứng từ. Tuy nhiên, khi rút tiền từ ngân sách Nhà nước về thì hai bị cáo không nhập vào quỹ của nhà trường mà bị cáo O đưa cho bị cáo M cất giữ trong tủ của bị cáo M và số tiền này do bị cáo M tự quản lý, quyết định việc chi tiêu, các giáo viên khác không biết việc hình thành số tiền này tại nhà trường. Bị cáo M không giao cho thủ quỹ bà Nguyễn Thị Trung thực hiện việc chi tiền mặt cũng như mua hàng hóa dịch vụ cho nhà trường mà bị cáo M giao cho bị cáo O đi mua hàng hóa, dịch vụ rồi lấy hóa đơn, mua hóa đơn không để lập hồ sơ quyết toán bằng hình thức chuyển khoản thông qua Kho bạc nhằm trA1 cho thủ quỹ Trung biết việc bị cáo M và bị cáo O thực hiện quyết toán không tiền từ Ngân sách Nhà nước.

Với hành vi trên bị cáo M và bị cáo O đã lập 45 chứng từ với 48 hóa đơn (47 hóa đơn giá trị gia tăng và 01 hóa đơn bán lẻ) của 08 cửa hàng trên địa bàn thành phố Tây N và 01 cửa hàng ở huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây N để quyết toán rút từ nguồn ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 167.325.179 đồng, trong đó thực chi cho các mặt hàng có hóa đơn là 74.374.165 đồng, còn lại 92.951.014 đồng là số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Trong đó trách nhiệm của bị cáo M là 66.752.000 đồng, trách nhiệm của bị cáo O là 26.392.514 đồng.

Các bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả: Bị cáo M đã nộp số tiền 284.099.524 đồng. Bị cáo O đã nộp 26.392.514 đồng. Toàn bộ số tiền trên hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây N đang tạm giữ.

Trách nhiệm dân sự: Ngày 10/6/2021, bà Trần Thị Thu An là người đại diện theo pháp luật của Trường Tiểu học Lê Anh Xuân (nay là trường tiểu học Nguyễn Khuyến) có đơn yêu cầu bị cáo M và bị cáo O hoàn trả lại số tiền quyết toán không 92.951.014 đồng để nộp trả lại cho ngân sách Nhà nước.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2022/HSST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây N, tỉnh Tây N N, đã xử:

Tuyên bố các bị cáo Trang Thị Xuân M, Phan Thị Kiều O phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết 41/QH2014 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Nghị Quyết số 03/2020/NQ – HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Trang Thị Xuân M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, n, r, s, t, v khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết 41/QH2014 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Nghị Quyết số 03/2020/NQ – HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Phan Thị Kiều O 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/3/2022, bị cáo Phan Thị Kiều O có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 03/3/2022, bị cáo Trang Thị Xuân M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 23/5/2022, bị cáo M có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc xét hạ khung hình phạt cho bị cáo xuống khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự và miễn hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm 02 bị cáo M, O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của 02 bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xử phạt bị cáo Trang Thị Xuân M 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Phan Thị Kiều O 01 năm cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo không tranh luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trang Thị Xuân M trình bày như sau: Án sơ thẩm đã căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Đối với số tiền 12.029.000 đồng chi vào ngày 16.01.2016, Cơ quan điều tra và Tòa án cấp sơ thẩm chưa khấu trừ số tiền thực chi. Luật sư đồng tình với quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là phiếu chi ngày 16.01.2016 là không đến 10.000.000 đồng. Đề nghị của Viện kiểm sát là chính xác, phù hợp với quy định. Bị cáo M có trên 20 năm công tác giảng dạy và quản lý, bị cáo có nhiều giấy khen và bằng khen. Bản thân bị cáo ý thức được việc làm sai trái, bị cáo đã khắc phục hậu quả từ giai đoạn thanh tra. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét phạt bị cáo mức án 18 tháng cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thị Kiều O trình bày như sau: Luật sư đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa về đề nghị xử phạt bị cáo O theo khoản 1 Điều 356 của Bộ luật hình sự với mức án là 01 năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo O đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo là người tố giác vụ việc; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng nhiều giấy khen; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn hiện tại đang nuôi 03 con nhỏ, có 01 người con đang bị bệnh; vai trò của bị cáo trong vụ án mờ nhạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo O hình phạt cải tạo không giam giữ để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo M: Qua làm việc bị cáo thấy sai, bị cáo không vụ lợi, bị cáo công tác đến nay đã 38 năm. Bị cáo xin giảm nhẹ mức thấp nhất để có cơ hội đóng góp cho ngành giáo dục.

- Bị cáo O: Bị cáo phát hiện ra việc sai trái, đứng ra tố giác. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ để bị cáo nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 02/3/2022 bị cáo O có đơn kháng cáo, ngày 03/3/2022 bị cáo M có đơn kháng cáo và ngày 23/5/2022 bị cáo M có đơn kháng cáo bổ sung, qua xem xét đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung đều hợp lệ, đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 332; Điều 333 và Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2014 đến tháng 09/2017, Bị cáo Trang Thị Xuân M là Hiệu trưởng trường tiểu học Lê Anh Xuân; bị cáo Phan Thị Kiều O là kế toán của trường, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, hai bị cáo có hành vi lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao, làm trái công vụ gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 92.951.014 đồng, cụ thể bị cáo M chỉ đạo bị cáo O thực hiện các hành vi mua hàng hóa ít nhưng xuất hóa đơn nhiều, mua hóa đơn để quyết toán không và lấy tiền từ kinh phí của trường để chi cho những khoản không quyết toán được. Do đó, Bản án sơ thẩm xét xử 02 bị cáo về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Điều 356 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hai bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thống nhất cùng nhau quyết toán không chứng từ gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, trong đó có 01 lần lập chứng từ không với số tiền trên 10.000.000 đồng, cụ thể là chứng từ RDT 77 ngày 04/8/2016 (HĐ số 22615 ngày 31/7/2016 với số tiền 11.270.000 đồng. Đối với chứng từ RDT 10 ngày 19/01/2016 (HĐ số 72614 ngày 16/01/2016 và HĐ số 72615 ngày 16/01/2016) số tiền không là 12.029.000 đồng, thực T là số tiền của 02 chứng từ khác nhau gồm 01 hóa đơn mua văn phòng phẩm (HĐ số 72614 ngày

16/01/2016) và 01 hóa đơn mua vật tư văn phòng (HĐ số 72615 ngày 16/01/2016). Trong đó, hóa đơn văn phòng phẩm số tiền 9.406.000 đồng, thực chi là 3.222.000 đồng, quyết toán không là 6.184.000 đồng; Hóa đơn mua vật tư văn phòng với số tiền 5.845.000 đồng, thực chi là 2.144.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã cộng hai chứng từ này lại (9.406.000 đồng + 5.845.000 đồng), sau đó trừ đi số tiền chi thực T là 3.222.000 đồng mà không trừ số tiền thực chi 2.144.000 đồng để kết luận bị cáo quyết toán không 01 lần với số tiền 12.029.000 đồng để xác định bị cáo 01 lần phạm tội là không chính xác. Không đủ căn cứ xác định hai bị cáo phạm tội với tính tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm xác định.

Như vậy, có căn cứ xác định, hai bị cáo thực hiện quyết toán không nhiều lần gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 92.951.014 đồng, trong đó chỉ có 01 lần thực hiện hành vi quyết toán không với số tiền trên 10.000.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của hai bị cáo phạm tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của hai bị cáo thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm, mặt dù các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của hai bị cáo chỉ đủ căn cứ kết luận phạm tội: “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Do xác định 02 bị cáo M, O phạm tội ở khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của hai bị cáo.

[4] Xét thấy, hai bị cáo M, O có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, có thành tích xuất sắc trong công tác. hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra

khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa.

[5] Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của 02 bị cáo M, O, chấp nhận lời bào chữa của 02 luật sư bào chữa cho 02 bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo Trang Thị Xuân M và Phan Thị Kiều O.

Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây N, tỉnh Tây N.

- Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trang Thị Xuân M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trang Thị Xuân M về Ủy ban nhân dân xã Bình M, thành phố Tây N, tỉnh Tây N giám sát, giáo dục.

Gia đình bị cáo Trang Thị Xuân M có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, n, r, s, t, v khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị Kiều O 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” .

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phan Thị Kiều O về Ủy ban nhân dân phường N S, thành phố Tây N giám sát, giáo dục.

Gia đình bị cáo Phan Thị Kiều O có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo M và bị cáo O.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo M và bị cáo O không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP.Tây N;
- TAND TP.Tây N;
- Chi cục THADS TP.Tây N;
- Công an TP.Tây N;
- Phòng lý lịch STP.TTN;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh TN (PV06);
- Phòng KTNV-THA;
- Các bị cáo;
- Lưu THS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình